

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2025/DS-ST
Ngày: 07/8/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà Nguyễn Ngọc Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thuý** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Phương Đ** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 349/2025/TLST-DS ngày 05/05/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 527/2025/QĐXXST-DS ngày 02/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 492/2025/QĐST-DS ngày 30/6/2025 và Thông báo dời phiên tòa số 03/TB-TA ngày 10/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1).

Địa chỉ: Lầu A, số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức danh: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Lê Ngọc T – Chức danh: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền lại là ông Trần Gia T1; Địa chỉ: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2023).

2. Bị đơn: Ông Diệp Phước T2, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: C ấp F, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông Trần Gia T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Diệp Phước T2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Gia T1 trình bày:

Ngày 24/8/2016, ôngThắng có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15,000,000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
JCB	356480-5660	15.000.000	24/8/2016	2.6%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ôngThắng đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 8.111.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). ÔngThắng phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ôngThắng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.211.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ôngThắng vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ôngThắng vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/11/2019

Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 5.344.140 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ôngThắng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ôngThắng trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 26/6/2024 là 9.748.490 đồng. Cụ thể là: Lãi suất áp dụng:

DVT: đồng

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
JCB	356480-5660	2,844,140	6,904,350	3.9%(2.6%x150%)

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ôngThắng, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ôngThắng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ôngDiệp Phước Thắng:

Buộc ôngDiệp Phước T3 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2025 là 11.253.169 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 2.844.140 đồng
- Lãi quá hạn : 8.409.029 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn là ông Diệp Phước T2 vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập đến toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm.

Áp dụng Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 BLTTDS năm 2015; Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng

khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Về án phí: đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Diệp Phước T2 thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/8/2016 do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã P, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Diệp Phước T2 đăng ký thường trú tại địa chỉ A C, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh) đến ngày 09/10/2023 thì bị xóa đăng ký do nhà bán; Hiện thực tế cư trú và có đăng ký khai báo tại địa chỉ số C ấp F, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Do bị đơn ông Diệp Phước T2 có nơi cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S là ông Trần Gia T1 có đơn xin vắng mặt tại toà. Bị đơn ông Diệp Phước T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Gia T1 và ông Diệp Phước T2 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2016 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Diệp Phước T2 nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến

đổi với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông T2 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908 đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 09/02/2021 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự. Bị đơn ông Diệp Phước T2 là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/5/2020 về việc cấp thẻ tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Diệp Phước T2 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ thẻ tạm tính đến ngày 07/8/2025 là 11.253.169 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng) trong đó:

Nợ gốc: 2.844.140 (hai triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm bốn mươi) đồng.

Lãi quá hạn: 8.409.029 (tám triệu, bốn trăm linh chín nghìn, không trăm hai mươi chín) đồng.

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/8/2016 thể hiện nội dung ông Diệp Phước T2 đề nghị cấp thẻ tín dụng, loại thẻ: Visa, hạn mức tín dụng được duyệt là 15.000.000 đồng, số thẻ: 356480-5660. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 13.211.000 đồng. Thứ tự thanh toán theo quy định Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 07/8/2025 do Ngân hàng cung cấp thể hiện kỳ thanh toán cuối cùng của ông T2 là vào ngày 31/12/2020, sau đó ông T2 không tiếp tục thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng kể từ kỳ thanh toán ngày 31/01/2021 cho đến nay. Do ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nên từ ngày 01/11/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ gốc là 5.344.140 đồng và áp dụng lãi suất quá hạn (3,6%) là phù hợp với quy định tại Điều 13 và Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tại khoản 18.2 Điều 18 và Điều 19 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (có hiệu lực từ ngày 29/11/2019)

quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ, theo đó, chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo thông báo của Ngân hàng. Xét thấy, ông T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T2 thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 07/8/2025, là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc ông T2 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 07/8/2025 là 11.253.169 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng) trong đó nợ gốc 2.844.140 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 07/8/2025 là 8.409.029 đồng và lãi phát sinh từ ngày 08/8/2025 cho đến khi ông T2 trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Ông Diệp Phước T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 562.658 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

[8] Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Diệp Phước T2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Diệp Phước T2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2025 là 11.253.169 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng) trong đó:

Nợ gốc : 2.844.140 (hai triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm bốn mươi) đồng.

Lãi quá hạn: 8.409.029 (tám triệu, bốn trăm linh chín nghìn, không trăm hai mươi chín) đồng.

Kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/8/2016 (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Diệp Phước T2 phải chịu 562.658 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0028130 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND KV10 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Đặng Thị Vân Hương